

Bản án số: 26/2018/HS-ST

Ngày: 18-4-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đoàn Nam Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi.

2. Ông Phạm Văn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thực - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, số 1400 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2018/HSST ngày 03/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-HS ngày 05/4/2018 đối với bị cáo:

Điêu Hoài T, giới tính: Nam; sinh năm: 1997; tại: Tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp ĐT, xã TT, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: Như trên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Chơ-ro; tôn giáo: Phật; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Điêu P (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1966; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/12/2017 đến nay, có mặt tại phiên Tòa.

*** Người bị hại:** Ông Nguyễn Thành T, sinh năm: 1943.

Địa chỉ: chung cư BM, phường BA, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành T: Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1971 (là con ruột của ông T).

Địa chỉ: đường A, phường CL, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh(có mặt).

*** Người bào chữa cho bị cáo Điêu Hoài T:** Bà Lê Thị Ngọc N - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư TBT, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Cộng

tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 05 giờ 40 phút ngày 08/6/2017, Điều Hoài T, điều khiển xe mô tô biển số 60L1-7800 lưu thông trên đường Mai Chí Thọ, hướng từ giao lộ Mai Chí Thọ- Lương Định Của về giao lộ Mai Chí Thọ-Đông Văn Cống. Khi đến gần cột đèn số TL9/20 đường Mai Chí Thọ, phường An Phú, Quận 2, T đã để phía trước đầu xe mô tô của mình va chạm vào phía sau xe đạp do ông Nguyễn Thành T điều khiển đang lưu thông phía trước cùng chiều. Sau va đập ông Thành T té ngã xuống đường bị chấn thương, còn Hoài T không bị té ngã đã quay ngược lại với hướng lưu thông đến chỗ ông Thành T bị ngã để đưa ông Thành T đi cấp cứu.

Hậu quả: ông Thành T bị chấn thương (xuất huyết não bán cầu trái).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 2, Điều Hoài T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Theo kết luận pháp y về thương tích số 975/KLGD.17 ngày 29/11/2017 của Trung tâm pháp y- Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh thì tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của ông Nguyễn Thành T là 75%.

Theo kết luận giám định số 2943/C54B ngày 11/9/2017 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

-Dấu vết trượt sạch bụi mặt ngoài bên phải bánh trước xe mô tô biển số 60L1-7800 có chiều hướng mặt lấn vào tâm bánh, ngược chiều quay tiến của bánh xe phù hợp với dấu vết trượt sạch bụi mặt ngoài bên trái bánh sau xe đạp có chiều từ mặt lấn vào tâm bánh, cùng chiều quay tiến của bánh xe.

- Dấu vết trượt bám chất màu đen mặt ngoài bên phải cung trước chắn bùn bánh trước xe mô tô biển số 60L1-7800 có chiều hướng từ trước về sau phù hợp với dấu vết trượt mất chất màu đen bên trái khung đỡ yên sau xe đạp có chiều hướng từ sau về trước.

- Trên cơ sở hồ sơ vụ tai nạn giao thông nêu trên và cơ chế hình thành dấu vết xác định: khi va chạm xe mô tô biển số 60L1-7800 lưu thông trên đường Mai Chí Thọ hướng từ đường Lương Định Của về đường Đông Văn Cống, còn xe đạp lưu thông phía trước cùng chiều.

- Không phát hiện dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển số 60L1-7800 và xe đạp với phương tiện, vật cản khác.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô biển số 60L1-7800 (đã trả cho chủ sở hữu).

- 01 xe đạp kiểu thể thao, màu đen, trên sườn xe có ghi chữ “BIZ” (đã trả cho chủ sở hữu).

Về trách nhiệm dân sự:

Sau tai nạn Điều Hoài T đã hỗ trợ bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Thành T số tiền: 1.000.000 đồng. Gia đình ông Thành T chưa đồng ý cũng như chưa đưa ra mức yêu cầu bồi thường.

Đối với xe mô tô biển số 60L1-7800 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 2 xác định Điều Hoài T là chủ sở hữu, nên đã trả lại chiếc xe này cho Hoài T.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Đối với các kết luận giám định, bị cáo đồng ý và không có ý kiến gì khác. Bị cáo không khiếu nại hay có ý kiến gì về các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 26/CTr-VKS ngày 02 tháng 4 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Điều Hoài T về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Đây là vụ án “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” do Điều Hoài T điều khiển xe mô-tô biển số 60L1 – 7800 không có giấy phép lái xe ô tô theo luật định, không giữ khoảng cách an toàn, đã để phía trước đầu xe mô-tô của mình va chạm vào phía sau xe đạp do ông Nguyễn Thành T điều khiển đang lưu thông phía trước cùng chiều, hậu quả ông Thành T té ngã bị chấn thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 75% là người có lỗi hoàn toàn.

Do vậy hành vi của Điều Hoài T đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, cần xử lý nghiêm minh.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu nhân thân chưa có tiền án tiền sự, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên hiểu biết về pháp luật có phần hạn chế, tại phiên Tòa đại diện của người bị hại cũng đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Điều Hoài T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Luật sư Lê Thị Ngọc N phát biểu tranh luận và bào chữa cho bị cáo:

Thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nêu ra đối với bị cáo. Tuy nhiên xin Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo và nhận tội, bị cáo là dân tộc thiểu số nên rất hạn chế về hiểu biết pháp luật, bị cáo có thiện chí bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội do vô ý, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ đến mức thấp nhất hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

Bị cáo không tranh luận và nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội lao động làm việc phụ giúp gia đình và bồi thường cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi: Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Điều Hoài T thừa nhận: Mặc dù không có giấy phép lái xe nhưng bị cáo vẫn điều khiển xe mô-tô biển số 60L1 – 7800 không giữ khoảng cách an toàn, đã để phía trước đầu xe mô-tô của mình va chạm vào phía sau xe đạp do ông Nguyễn Thành T điều khiển đang lưu thông phía trước cùng chiều, hậu quả ông Thành T té ngã bị chân thương. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 75%.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Điều Hoài T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 như kết luận của Kiểm sát viên.

Đánh giá tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm an toàn giao thông công cộng, trật tự công cộng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của người bị hại, gây hoang mang cho người tham gia lưu thông bình thường trên đường. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo

mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Về tình tiết định khung tăng nặng hình phạt: Bị cáo Hoài T điều khiển xe trong tình trạng không có giấy phép lái xe theo qui định nên bị xét xử với tình tiết định khung tăng nặng hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 .

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khác.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hoài T đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên hiểu biết về pháp luật còn có phần hạn chế, tại phiên tòa đại diện của bị hại cũng đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Xét lời bào chữa của Luật sư chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chỉ chấp nhận một phần lời bào chữa của Luật sư, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo chứ không thể cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Luật sư.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên Tòa đại diện của người bị hại và bị cáo cùng thống nhất: Bị cáo sẽ bồi thường cho người bị hại số tiền là 30.000.000 đồng, xét đây là sự thỏa thuận tự nguyện và không trái pháp luật của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người đại diện theo ủy quyền của người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Điểu Hoài T** phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo **Điểu Hoài T03** (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. *Về phần dân sự:* Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Hoài T phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Thành T số tiền: 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Thành T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Hoài T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ đối với số tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu trả số tiền lãi cho ông Thành T theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. *Về án phí*: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- PC53-Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Thi hành án Dân sự Quận 2;
- Công an Quận 2;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đoàn Nam Hà